TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Bẩy.

2. Bà Vũ Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Hoàng Duy Q**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Hoàng Duy Q trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị T từ năm 2003 (Dương lịch), trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục

Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh đã sống ly thân với chị T từ tháng 10/2008 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 20/9/2005 và Hoàng Duy Đ, sinh ngày 11/5/2007. Hiện nay các con đang sống cùng anh, đều phát triển khỏe mạnh, đảm bảo. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Q, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của chị T được.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Hoàng Phương L và Hoàng Duy Đ đều trình bày trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bố là anh Hoàng Duy Q.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Hoàng Duy Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị T và đề nghị được nuôi con chung là cháu Hoàng Phương L, Hoàng Duy Đ. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung, anh Hoàng Duy Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Duy Q: Cho anh Hoàng Duy Q được ly hôn với chị Lê Thị T.

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Duy Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương L, sinh ngày 20/9/2005 và Hoàng Duy Đ, sinh ngày 11/5/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Hoàng Duy Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Duy Q khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Lê Thi Tuyên. Hện nay chị Lê Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn chị Lê Thị T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị Lê Thị T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 2236/QLXNC-P5 ngày 28/01/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin chị Lê Thị T, sinh ngày 21/10/1984; địa chỉ tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhập cảnh lần nhất ngày 11/10/2016.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt chị Lê Thị T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Duy Q và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/9/2003. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của anh Q thì cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 10/2008 đến nay. Nay anh Hoàng Duy Q làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị T có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử

thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Duy Q, cho anh Hoàng Duy Q được ly hôn với chị Lê Thị T là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Anh Q và chị T có hai con chung là Hoàng Phương L, sinh ngày 20/9/2005 và Hoàng Duy Đ, sinh ngày 11/5/2007. Khi ly hôn anh Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh Q, Hội đồng xét xử thấy anh Q có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung phát triển đảm bảo. Hiện nay các con chung sống cùng với anh Q, các cháu đều phát triển khỏe mạnh, không bệnh tật gì. Hơn nữa cháu Luyến và cháu Đăng cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh Hoàng Duy Q. Do vậy cần giao cháu Hoàng Phương L và Hoàng Duy Đ cho anh Hoàng Duy Q nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh Hoàng Duy Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Duy Q không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Duy Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Duy Q: Cho anh Hoàng Duy Q được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Duy Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương L, sinh ngày 20/9/2005 và Hoàng Duy Đ, sinh ngày 11/5/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn chị Lê Thị T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản chị Lê Thị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Hoàng Duy Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh Hoàng Duy Q đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001588 ngày 06 tháng 10 năm 2020. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Văn Khiết